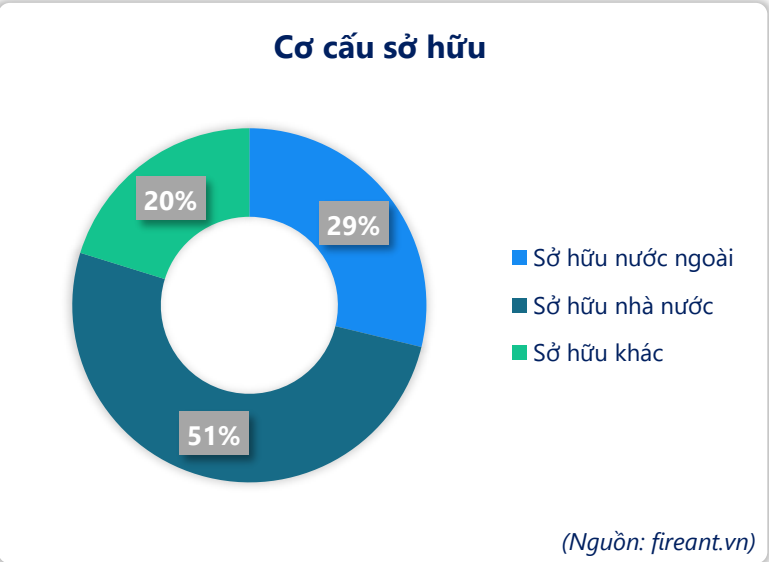
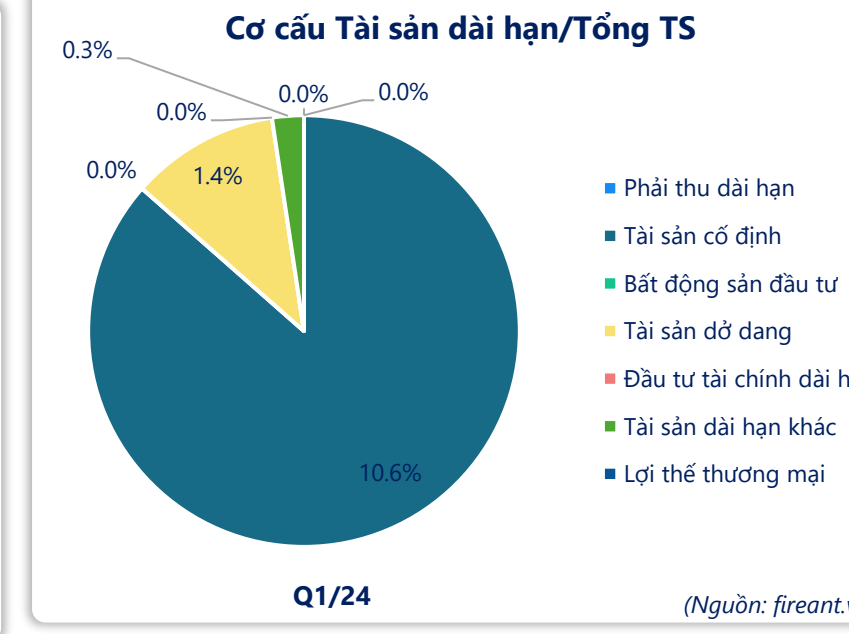
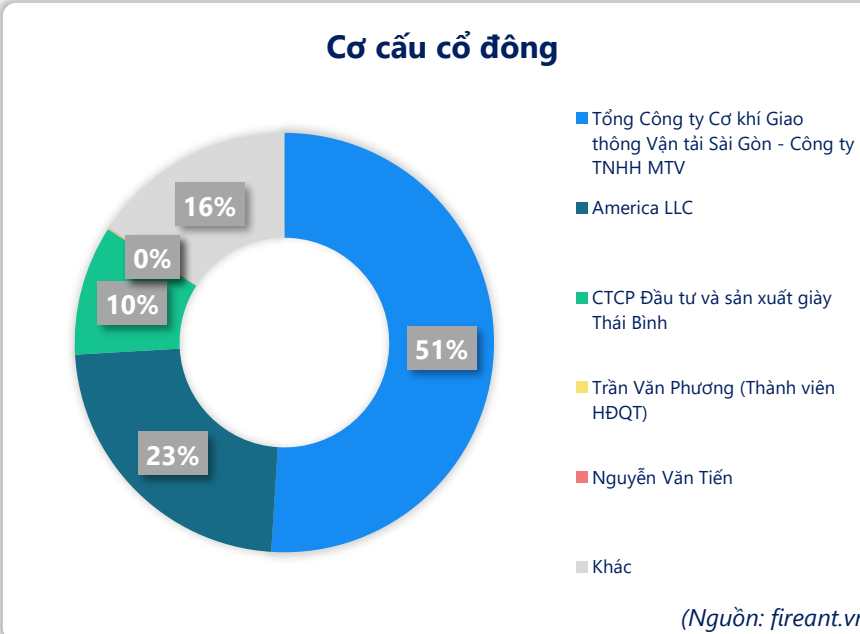
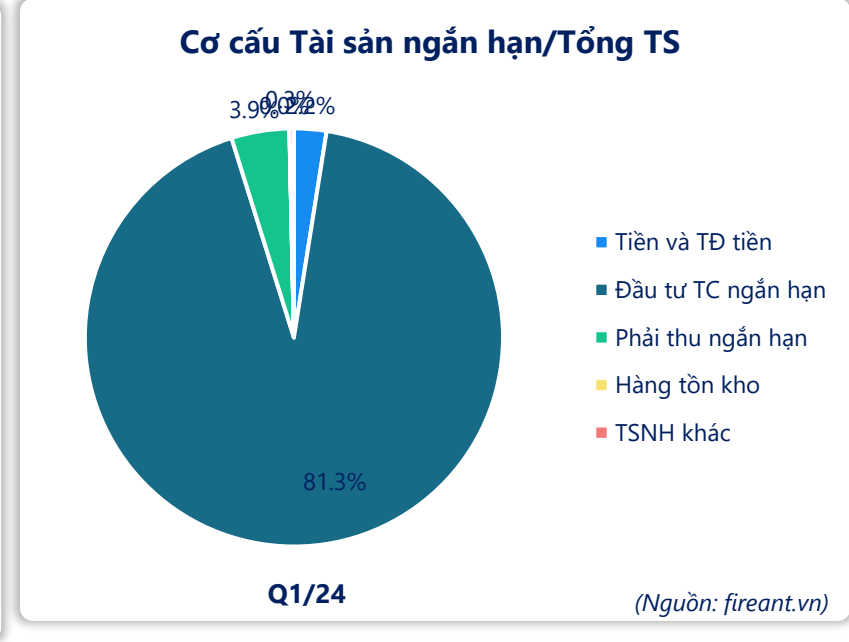
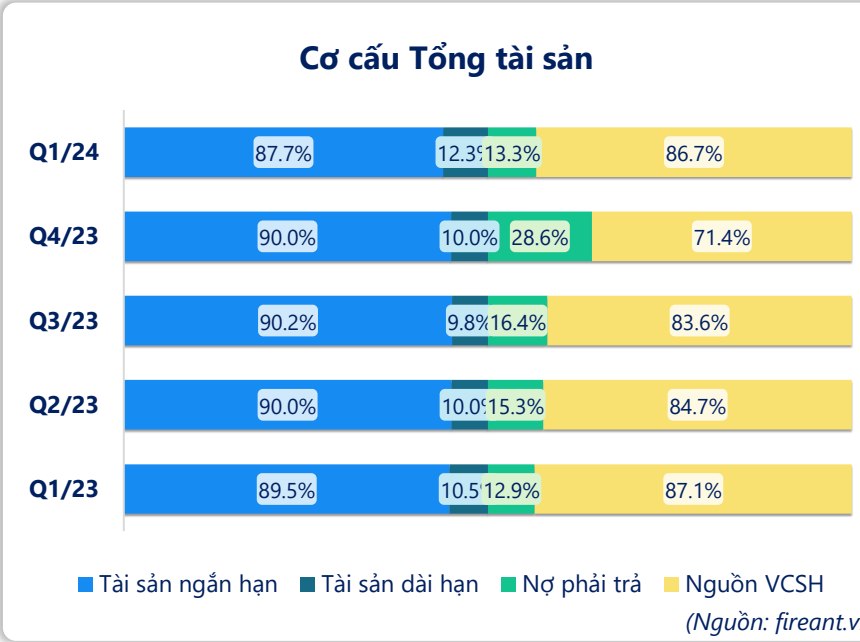


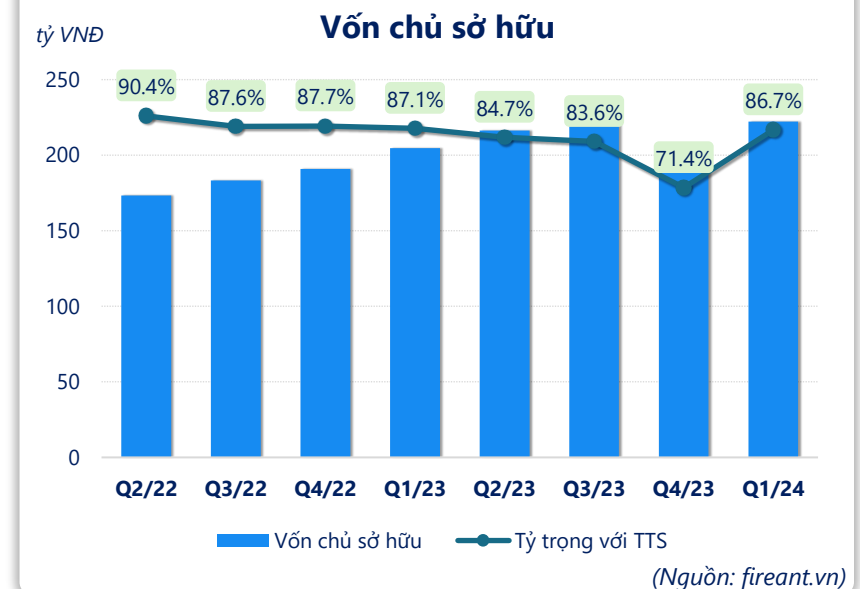
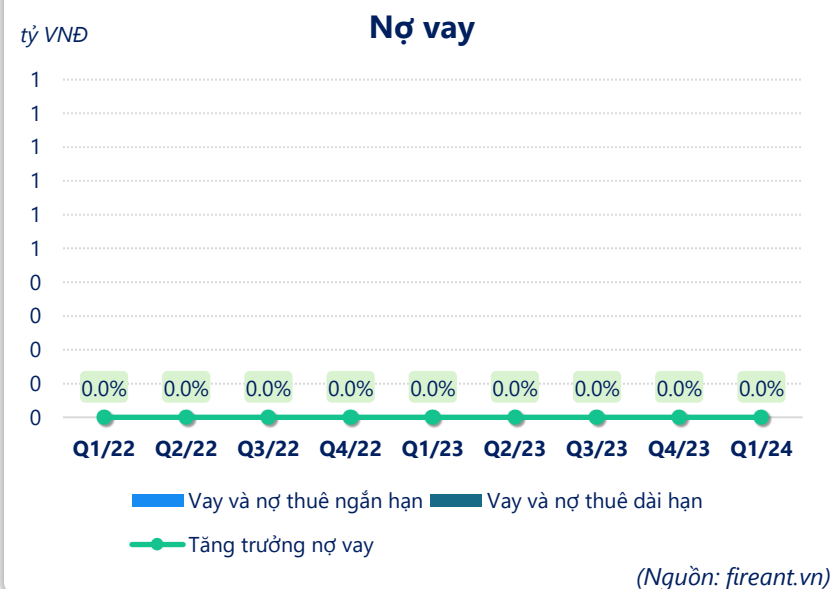
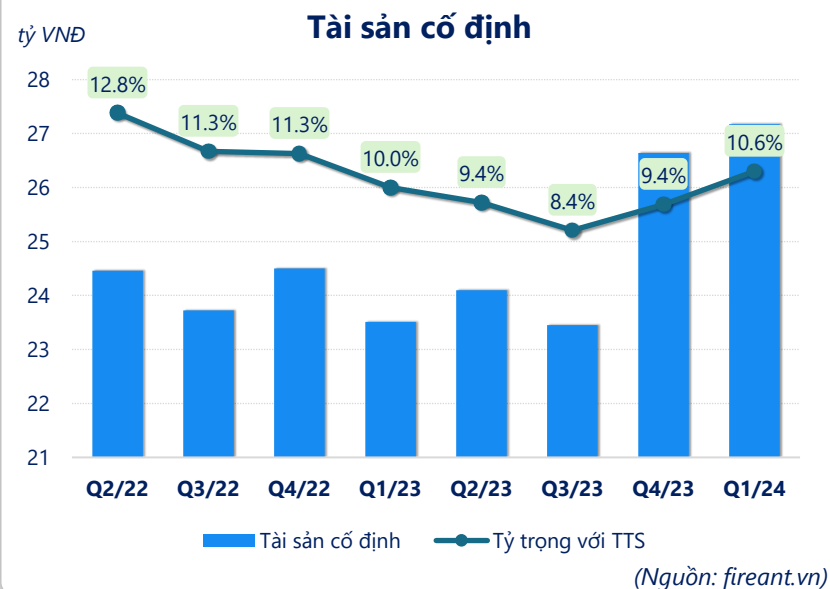
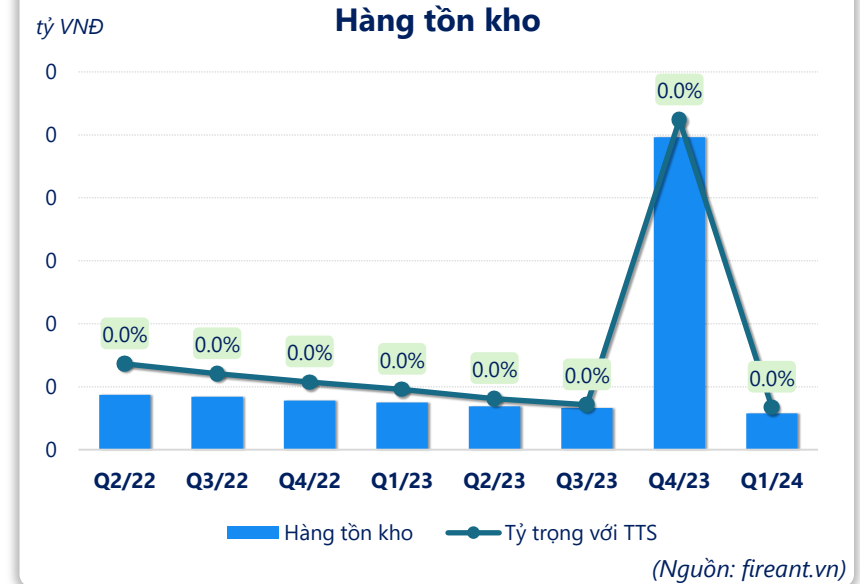
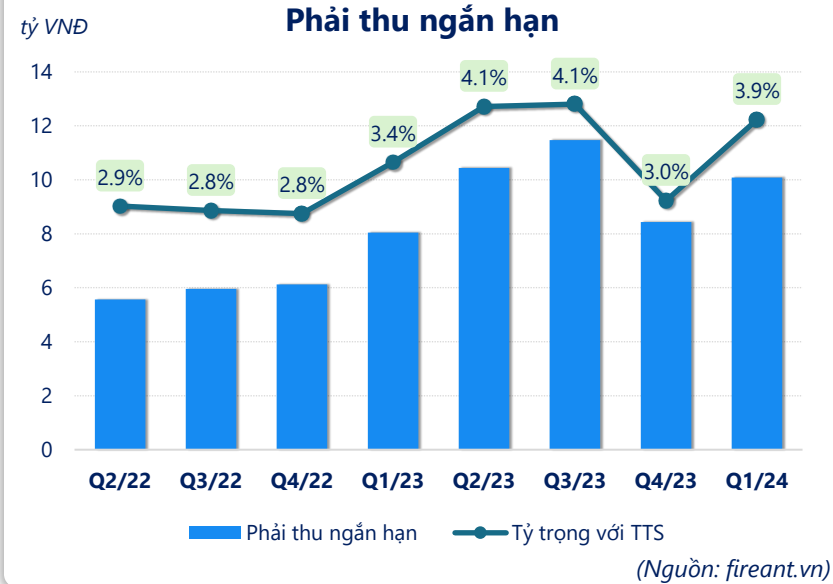
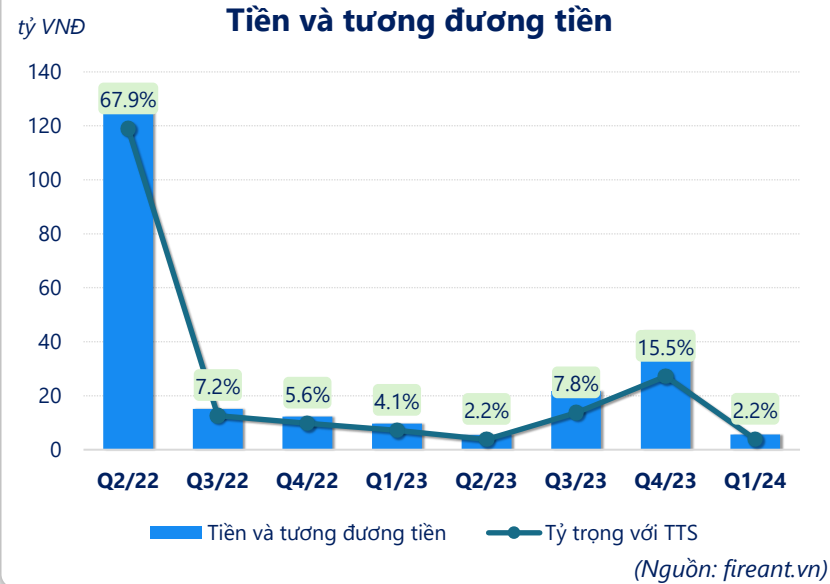
Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		199,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		208,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		137,857
SL cổ phiếu LH		2,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,385
% sở hữu nước ngoài		28.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		498
P/E		7.1
EPS		27,947

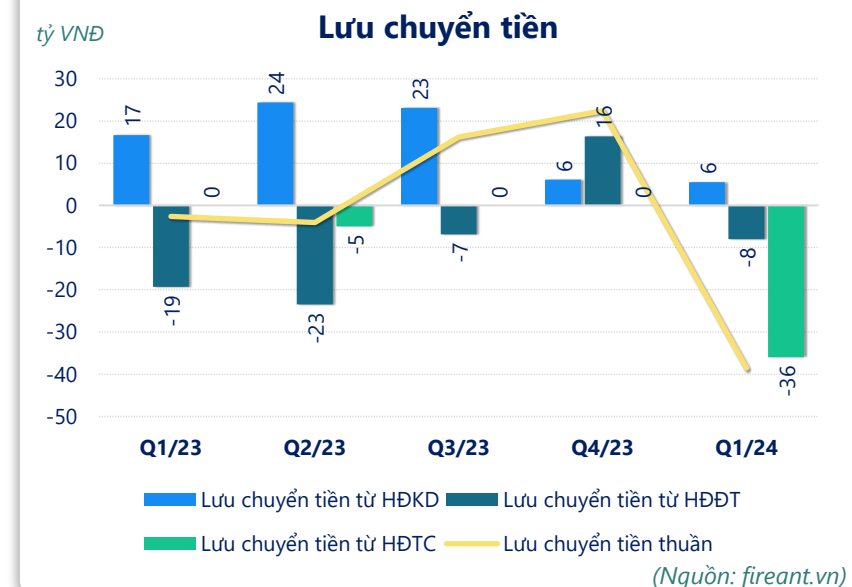
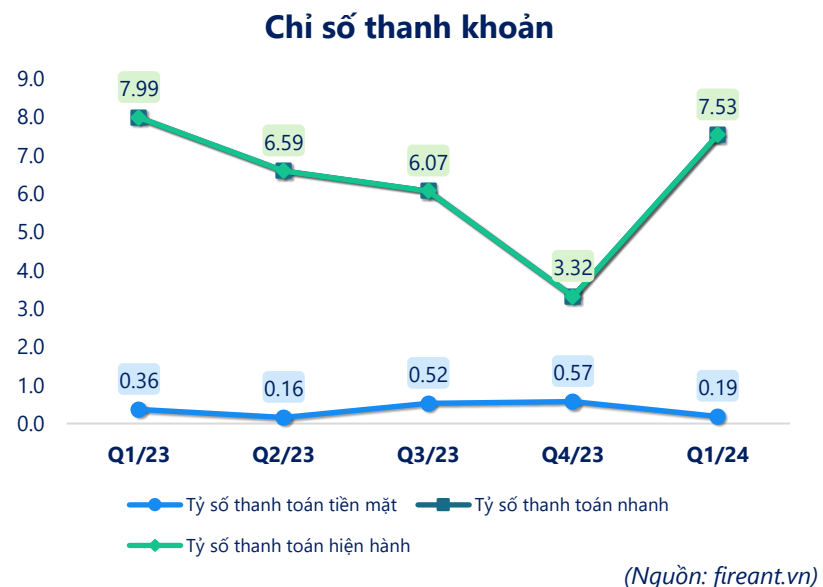
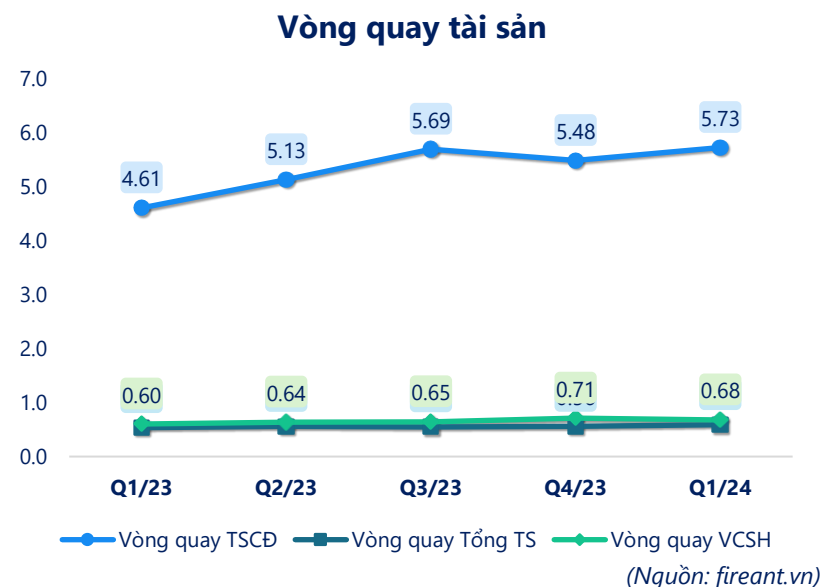
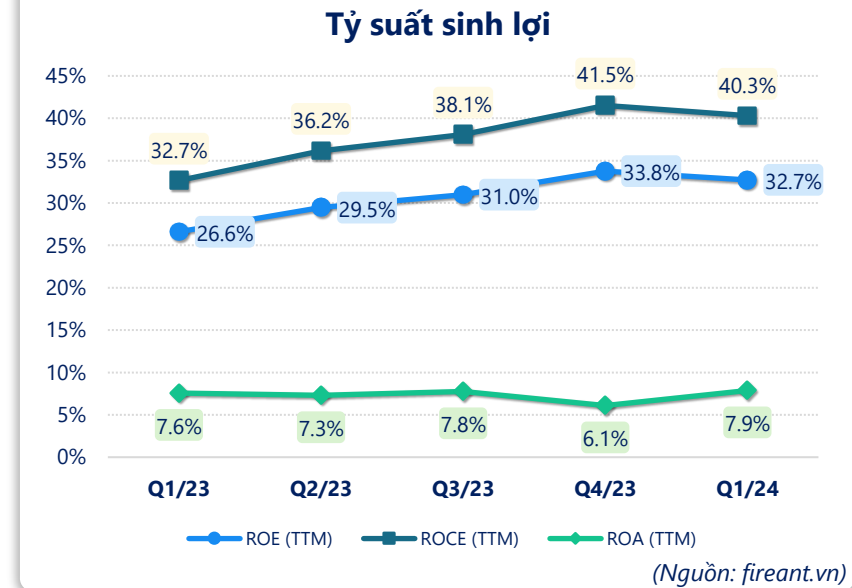
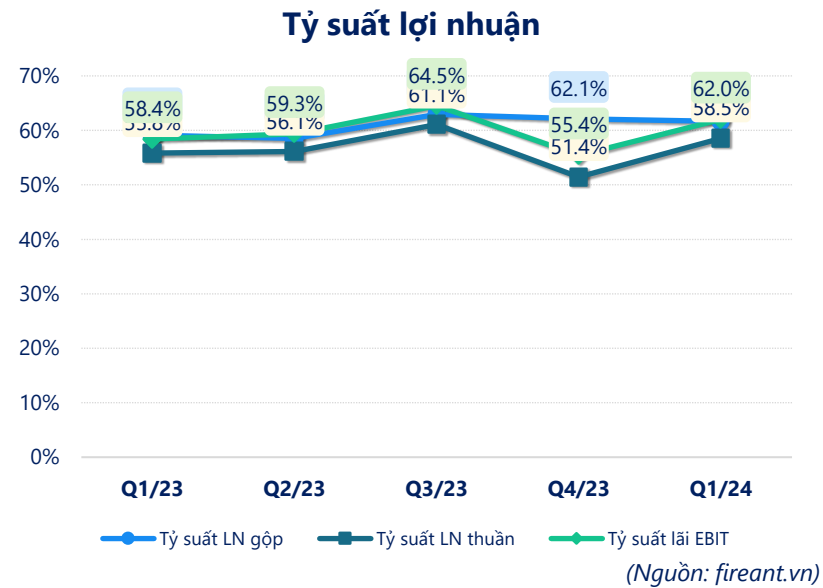
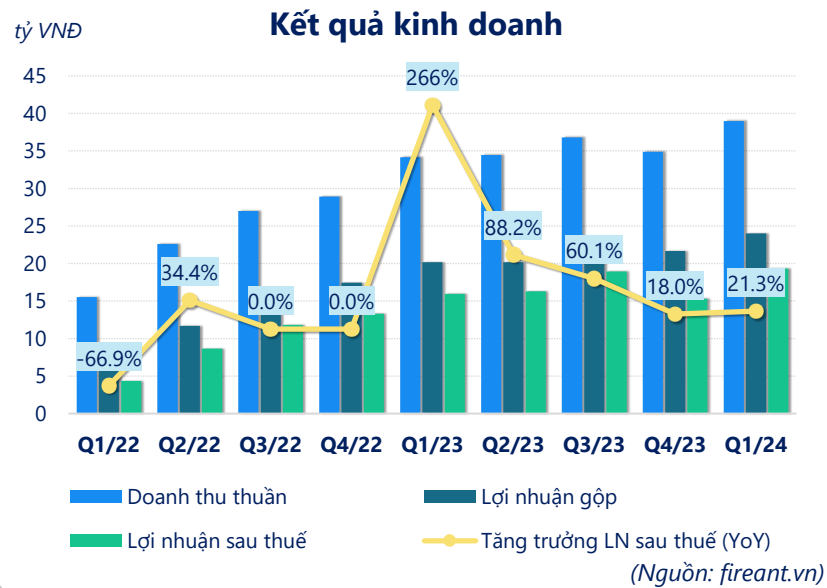
	YTD	1T	3T	6T
WCS	14.5%	-1.2%	18.4%	19.5%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%



CTCP Bến xe Miền Tây (HNX: WCS)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	256	284	-9.8%
Tài sản ngắn hạn	225	256	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	5.64	44.1	-87.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	208	200	4.1%
Phải thu ngắn hạn	10.1	8.44	19.5%
Hàng tồn kho	0.01	0.10	-88.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	2.72	-71.9%
Tài sản dài hạn	31.4	28.5	10.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.2	26.6	2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.50	1.11	214%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.75	0.79	-5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	34.1	81.3	-58.1%
Nợ ngắn hạn	29.9	77.1	-61.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.04	0.32	541%
Nợ dài hạn	4.23	4.24	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	222	203	9.5%
Vốn chủ sở hữu	222	203	9.5%
Vốn điều lệ	25.0	25.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	34.1	34.4	36.8	34.9	39.0
Giá vốn hàng bán	14.0	14.3	13.6	13.2	15.0
Lợi nhuận gộp	20.2	20.2	23.1	21.7	24.0
Doanh thu HĐTC	2.61	3.05	3.33	3.33	2.92
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.72	3.89	4.01	7.05	4.12
LN thuần từ HĐKD	19.1	19.3	22.5	17.9	22.8
Lợi nhuận khác	0.87	1.12	1.27	1.39	1.35
LN trước thuế	19.9	20.4	23.7	19.3	24.2
Lợi nhuận sau thuế	15.9	16.3	18.9	15.3	19.3
LNST của CĐ cty mẹ	15.9	16.3	18.9	15.3	19.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.7	24.4	23.1	6.10	5.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.3	-23.4	-6.87	16.3	-8.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-5.00	0	0	-36.0
Tiền đầu kỳ	12.2	9.61	5.53	21.7	44.1
Lưu chuyển tiền thuần	-2.60	-4.08	16.2	22.4	-38.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.61	5.53	21.7	44.1	5.64

(Nguồn: fireant.vn)